

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH KON TUM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 23/2024/QĐ-UBND

Kon Tum, ngày 09 tháng 5 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành danh mục tài sản cố định đặc thù; danh mục, thời gian tính hao mòn và tỷ lệ hao mòn tài sản cố định vô hình thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Kon Tum

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KON TUM

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015 và Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015 và Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 21 tháng 6 năm 2017;

Căn cứ Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;

Căn cứ Thông tư số 23/2023/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, tính hao mòn, khấu hao tài sản cố định tại cơ quan, tổ chức, đơn vị và tài sản cố định do Nhà nước giao cho doanh nghiệp quản lý không tính thành phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số 1646/TTr-STC ngày 02 tháng 5 năm 2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

a) Quyết định này quy định danh mục tài sản cố định đặc thù; danh mục, thời gian tính hao mòn và tỷ lệ hao mòn tài sản cố định vô hình (trừ thương hiệu của đơn vị sự nghiệp công lập) thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Kon Tum.

b) Quyết định này không điều chỉnh đối với tài sản cố định đặc thù đang thuê hoạt động; tài sản cố định đặc thù bảo quản hộ, giữ hộ, cất giữ hộ Nhà nước hoặc các tổ chức, cá nhân khác.

2. Đối tượng áp dụng

a) Cơ quan Nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, đơn vị lực lượng vũ trang nhân dân, cơ quan Đảng Cộng sản Việt Nam, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, tổ chức chính trị - xã hội, doanh nghiệp được Nhà nước giao quản lý tài sản cố định không tính thành phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp thuộc tỉnh Kon Tum quản lý (*sau đây gọi là cơ quan, tổ chức, đơn vị*).

b) Khuyến khích các tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, tổ chức khác được thành lập theo quy định của pháp luật về hội áp dụng các quy định tại Quyết định này để quản lý tài sản cố định đặc thù; quản lý, tính hao mòn tài sản cố định vô hình thuộc phạm vi quản lý của tổ chức.

c) Các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến quy định danh mục tài sản cố định đặc thù; danh mục, thời gian tính hao mòn và tỷ lệ hao mòn tài sản cố định vô hình thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Kon Tum.

Điều 2. Ban hành danh mục tài sản cố định đặc thù; danh mục, thời gian tính hao mòn và tỷ lệ hao mòn tài sản cố định vô hình thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Kon Tum

1. Danh mục tài sản cố định đặc thù (*Chi tiết tại Phụ lục I kèm theo Quyết định này*).

2. Danh mục, thời gian tính hao mòn và tỷ lệ hao mòn tài sản cố định vô hình (*Chi tiết tại Phụ lục II kèm theo Quyết định này*).

Điều 3. Hiệu lực thi hành

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 19 tháng 5 năm 2024 và thay thế Quyết định số 33/2020/QĐ-UBND ngày 18 tháng 11 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum ban hành danh mục tài sản cố định đặc thù; danh mục, thời gian sử dụng, tỷ lệ hao mòn tài sản cố định vô hình thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Kon Tum.

Điều 4. Tổ chức thực hiện

1. Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị quản lý, sử dụng tài sản:

a) Căn cứ các nội dung quy định tại Quyết định này, thực hiện tính hao mòn, ghi sổ kế toán, theo dõi và quản lý tài sản theo đúng quy định.

b) Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc phát sinh các cơ quan, đơn vị kịp thời phản ánh về Ủy ban nhân dân tỉnh (*qua Sở Tài chính*) để xem xét, sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với quy định của pháp luật.

2. Sở Tài chính hướng dẫn các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Kon Tum tổ chức thực hiện Quyết định này; tổng hợp ý kiến, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét sửa đổi, bổ sung quy định danh mục tài sản cố định đặc thù; danh mục, thời gian tính hao mòn và tỷ lệ hao mòn tài sản cố định vô hình (*nếu có phát sinh*) theo đúng quy định.

3. Thủ trưởng các sở, ban ngành, đơn vị thuộc tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH
Lê Ngọc Tuấn

PHỤ LỤC I
DANH MỤC TÀI SẢN CỔ ĐỊNH ĐẶC THÙ

(Kèm theo Quyết định số: 23/2024/QĐ-UBND ngày 09 tháng 5 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum)

STT	DANH MỤC
Loại 1	Di tích lịch sử được xếp hạng
1	Di tích lịch sử cấp quốc gia
2	Di tích lịch sử cấp tỉnh
Loại 2	Cổ vật, hiện vật trưng bày trong bảo tàng
1	Nhóm cổ vật, hiện vật bằng kim loại
2	Nhóm cổ vật, hiện vật bằng nhựa
3	Nhóm cổ vật, hiện vật bằng thủy tinh
4	Nhóm cổ vật, hiện vật bằng gỗ
5	Nhóm cổ vật, hiện vật chất liệu vải
6	Nhóm cổ vật, hiện vật chất liệu giấy
7	Nhóm cổ vật, hiện vật chất liệu phim ảnh
8	Nhóm cổ vật, hiện vật chất liệu da
9	Nhóm cổ vật, hiện vật chất liệu xương, ngà
10	Nhóm cổ vật, hiện vật chất liệu gốm, sành, sứ
11	Nhóm cổ vật, hiện vật chất liệu đất đá
12	Nhóm cổ vật, hiện vật chất mây tre
13	Nhóm cổ vật, hiện vật chất liệu chất khác
Loại 3	Thương hiệu của đơn vị sự nghiệp công lập
1	Bệnh viện
2	Trường học
3	Thương hiệu đơn vị sự nghiệp khác
Loại 4	Tài sản cổ định đặc thù khác

PHỤ LỤC II
DANH MỤC, THỜI GIAN TÍNH HAO MÒN VÀ TỶ LỆ HAO MÒN TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

(Kèm theo Quyết định số: 23/2024/QĐ-UBND ngày 09 tháng 5 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum)

STT	Danh mục	Thời gian tính hao mòn (năm)	Tỷ lệ hao mòn (% năm)
Loại 1	Quyền tác giả và quyền liên quan đến quyền tác giả		
1	Tác phẩm văn học, nghệ thuật và khoa học (trừ Chương trình máy tính và sưu tập dữ liệu)	25	4
2	Chương trình máy tính	5	20
3	Sưu tập dữ liệu	25	4
4	Quyền tác giả khác	25	4
5	Quyền liên quan đến quyền tác giả	10	10
Loại 2	Quyền sở hữu công nghiệp		
1	Bằng sáng chế	25	4
2	Bằng giải pháp hữu ích	10	10
3	Kiểu dáng công nghiệp	5	20
4	Nhãn hiệu hàng hóa	10	10
5	Thiết kế bố trí	10	10
6	Quyền sở hữu công nghiệp khác	10	10
Loại 3	Quyền đối với giống cây trồng		
1	Bằng bảo hộ giống cây thân gỗ và cây leo thân gỗ	25	4
2	Bằng bảo hộ các giống cây trồng khác	20	5
Loại 4	Phần mềm ứng dụng		
1	Cơ sở dữ liệu	5	20
2	Phần mềm kế toán	5	20
3	Phần mềm tin học văn phòng	5	20
4	Phần mềm ứng dụng khác	5	20
Loại 5	Tài sản cố định vô hình khác (trừ quyền sử dụng đất)	5	20

*** Ghi chú:**

- Tác phẩm văn học, nghệ thuật và khoa học bao gồm: Tác phẩm văn học, khoa học, sách giáo khoa, giáo trình và tác phẩm khác được thể hiện dưới dạng chữ viết hoặc ký tự khác; bài giảng, bài phát biểu và bài nói khác; tác phẩm báo chí; tác phẩm âm nhạc; tác phẩm sân khấu; tác phẩm điện ảnh và tác phẩm được tạo ra theo phương pháp tương tự (sau đây gọi chung là tác phẩm điện ảnh); tác phẩm tạo hình, mỹ thuật ứng dụng; tác phẩm nhiếp ảnh; tác phẩm kiến trúc; Bản họa đồ, sơ đồ, bản đồ, bản vẽ liên quan đến địa hình, công trình khoa học; tác phẩm văn học, nghệ thuật dân gian; chương trình máy tính, sưu tập dữ liệu (Theo khoản 1 Điều 14 Luật Sở hữu trí tuệ năm 2005 được sửa đổi, bổ sung tại khoản 5 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ năm 2009).

- Sưu tập dữ liệu là tập hợp có tính sáng tạo thể hiện ở sự tuyển chọn, sắp xếp các tư liệu dưới dạng điện tử hoặc dạng khác (Theo khoản 2 Điều 22 Luật Sở hữu trí tuệ năm 2005).

- Quyền liên quan đến quyền tác giả bao gồm: cuộc biểu diễn, bản ghi âm, ghi hình, chương trình phát sóng, tín hiệu vệ tinh mang chương trình được mã hóa (Theo khoản 1 Điều 3 Luật Sở hữu trí tuệ năm 2005 được sửa đổi bởi Khoản 1 Điều 1 Luật Sở hữu trí tuệ sửa đổi 2009).

- Sáng chế là giải pháp kỹ thuật dưới dạng sản phẩm hoặc quy trình nhằm giải quyết một vấn đề xác định bằng việc ứng dụng các quy luật tự nhiên (Theo khoản 12 Điều 04 Luật Sở hữu trí tuệ năm 2005 được bổ sung tại điểm b khoản 1 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ năm 2022).

- Giải pháp hữu ích là giải pháp kỹ thuật mới so với trình độ kỹ thuật trên thế giới, có khả năng áp dụng trong các lĩnh vực kinh tế, xã hội.

- Kiểu dáng công nghiệp là hình dáng bên ngoài của sản phẩm hoặc bộ phận để lắp ráp thành sản phẩm phức hợp, được thể hiện bằng hình khối, đường nét, màu sắc hoặc sự kết hợp những yếu tố này và nhìn thấy được trong quá trình khai thác công dụng của sản phẩm hoặc sản phẩm phức hợp (Theo khoản 13 Điều 04 Luật Sở hữu trí tuệ năm 2005 được sửa đổi, bổ sung tại điểm b khoản 1 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ năm 2022).

- Nhãn hiệu là dấu hiệu dùng để phân biệt hàng hoá, dịch vụ của các tổ chức, cá nhân khác nhau (Theo khoản 16 Điều 04 Luật Sở hữu trí tuệ năm 2005).

- Thiết kế bố trí mạch tích hợp bán dẫn là cấu trúc không gian của các phần tử mạch và mối liên kết các phần tử đó trong mạch tích hợp bán dẫn (Theo khoản 15 Điều 04 Luật Sở hữu trí tuệ năm 2005).

- Quyền đối với giống cây trồng là quyền của tổ chức, cá nhân đối với giống cây trồng mới do mình chọn tạo hoặc phát hiện và phát triển hoặc được hưởng quyền sở hữu (Theo khoản 5 Điều 04 Luật Sở hữu trí tuệ năm 2005).

Các nội dung nêu trên dùng để giải thích, làm rõ thêm một số từ ngữ tại Phụ lục II. Trường hợp Luật Sở hữu trí tuệ năm 2005 có phát sinh nội dung sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành và các văn bản pháp luật khác có liên quan.